TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2026/DS-ST
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn
Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Liên, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Quốc T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Quốc T: Luật sư Trần Văn D – Văn phòng Luật sư Trần Văn D thuộc Đoàn luật sư tỉnh V;

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp N, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: 5347 N 20TH, AVE PHOENIX AZ 85015-2942, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ngọc B: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1969; Địa chỉ: ấp N, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Lê Quốc T1, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Khu phố G, phường P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Văn T2 (Lê Văn T3), sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm: 1969;

3. Bà Lê Bảo N, sinh năm: 2001;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Lâm Văn L, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh T7; Trụ sở: số F L, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lê Quốc T trình bày:

Cụ Lê Kim H1, sinh năm 1942 (chết năm 2019) và cụ Trần Ngọc N1, sinh năm 1942 (chết 2018), có tất cả 04 người con chung là Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H. Ngoài ra cụ Trần Ngọc N1 có một người con riêng là Lê Văn T3 (tên khác Trần Văn T2).

Cụ H1 và cụ N1 có tạo lập được các tài sản là:

- Thửa đất số190A diện tích 2.820m², loại đất vườn (trên đất có căn nhà cấp 4); thửa đất 190, diện tích 4.720m², loại đất trồng lúa, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lê Kim H1 đứng tên vào ngày 13/4/1996;

- Thửa 230, diện tích 4.440m², tờ bản đồ số 8, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Ngọc N1 ngày 08/5/2006. Sau khi cụ H1 chết ông T cầm cố thửa đất 230 cho ông Lâm Văn L với số tiền 60.000.000 đồng, ông T đồng ý chuộc lại đất chia thừa kế cho các anh em.

Ngoài ra cụ Lê Kim H1 có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh T7 số tiền gốc 75.000.000 đồng.

Trước khi cụ H1 và cụ N1 chết không có di chúc để lại tài sản cho ai. Nay ông Lê Quốc T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cho 4 người con của ông Lê Kim H1 và bà Trần Ngọc N1 gồm: Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Văn T3 và Lê Thị Ngọc B; riêng bà Lê Thị Ngọc H đã được đứng tên đất ruộng diện tích 4.950m², thửa 22, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên không được hưởng các tài sản trên, cụ thể:

- Thửa đất 190A có diện tích 2.820m^2, tờ bản đồ số 8, loại đất ở - quả, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên thửa đất 190A có ngôi nhà cấp 4 diện tích 340m^2, ông T yêu cầu được hưởng toàn bộ thửa 190A.

- Thửa đất 190 có diện tích 4.720m^2, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ông T yêu cầu chia đều 04 phần bằng nhau cho ông Lê Quốc T, bà Lê Thị Ngọc B, ông Lê Quốc T1, ông Lê Văn T3 mỗi người được hưởng diện tích đất 1.180m^2, đối với 20 cây dừa trên đất do

cha mẹ trồng thì khi phân chia cây trồng trên đất của ai thì người đó được hưởng. Đối với các cây trồng bao gồm 70 cây mít thái, 40 cây cau, 70 cây dừa đã thu hoạch trên 05 năm và 20 cây dừa trồng trên 03 năm do ông trồng thì yêu cầu khi phân chia diện tích đất cho ai có các cây trồng này trên đất thì người đó phải hoàn trả giá trị cây cho ông.

+ Thửa đất số 230, có diện tích 4.440m^2, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại thời điểm cấp giấy hộ bà Trần Ngọc N1 gồm 04 người: Ông Lê Kim H1, bà Trần Ngọc N1, Lê Quốc T và Lê Quốc T1 nên yêu cầu chia thửa đất thành 04 phần cho các thành viên hộ mỗi người hưởng diện tích 1.110m^2, do ông Lê Kim H1, bà Trần Ngọc N1 đã chết nên tôi yêu cầu chia phần đất của cha mẹ có diện tích 2.220m^2 cho 04 người con gồm Trần Văn T2 (Lê Văn T3), Lê Quốc T1, Lê Quốc T và Lê Thị Ngọc B mỗi người được thừa hưởng 555m^2

Đối với việc bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu chia số tiền của 03 thẻ tiết kiệm do cụ Lê Kim H1 ký gửi tại Ngân hàng TMCP K – chi nhánh T7 ông T không đồng ý, bởi vì đối với các cây trồng trên thửa đất 190, 190A bị phía bà H chặt phá và làm hư hỏng hệ thống nước tưới nên ông định sử dụng số tiền này để khắc phục.

- Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H có yêu cầu phản tố trình bày và có yêu cầu như sau:

Thống nhất thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế như ông Lê Quốc T trình bày là đúng.

Sau khi cha mẹ mất thì tài sản đất đai do Lê Quốc T tạm quản lý để hương khói cho ông bà. Đến năm 2023 bà về thăm nhà tổ thì phát hiện diện tích dừa đang cho trái do cha mẹ trồng T đã chặt hết và trồng lại cây mít và cây cao, nhà thờ thì khóa cửa bỏ hoang không hương khói và bị xuống cấp, ngôi mộ cha bị hư hỏng nặng nên bà phải sửa chữa nhà mồ với số tiền 50.000.000 đồng, sửa chữa lại nhà tổ 95.000.000 đồng.

Sau đó anh chị em về họp mặt và tự chia thửa đất 190 giáp lộ nhựa, đối với mỗi phần chia của các anh em đều đã cặm trụ đá, phần bà được hưởng thì bà có bơm cát và san lấp làm hàng rào với số tiền 335.000.000 đồng và trồng lại 180 cây dừa.

Nay bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho bà hưởng một suất thừa kế theo quy định pháp luật, được hưởng hiện vật cùng căn nhà thờ của cha mẹ để bà thờ cúng. Đối với phần nhà sửa chữa và san lấp tại buổi định giá bà H không yêu cầu.

Ngoài ra, khi sinh thời cụ Lê Kim H1 có ký gửi tại Ngân hàng TMCP K – chi nhánh T7 03 thẻ tiết kiệm với tổng số tiền 75.000.000 đồng, cụ thể: Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417949 số dư tài khoản 25.000.000 đồng; Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417751 số dư tài khoản 25.000.000 đồng và Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417762 số dư tài khoản 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, nên bà H yêu cầu chia thừa kế cho bà được hưởng một suất bằng 16.875.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ 03 thẻ tiết kiệm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc B do bà Lê Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền: Thống nhất như lời khai bà H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T3 trình bày:

Ông là con riêng của bà Trần Ngọc N1, nay trước yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Lê Quốc T và khởi kiện phản tố của Lê Thị Ngọc H thì ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế của bà Trần Ngọc N1, ông xin hưởng giá trị.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc T1: Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, di sản thừa kế. Ông thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với 03 thửa đất của cha mẹ chết để lại, còn căn nhà thờ không đồng ý giao cho ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn L trình bày:

Trước đây vào ngày 29/3/2022 ông nhận cầm cố của ông Lê Quốc T thửa đất 230 có diện tích 4.440m^2, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long) với số tiền cầm 60.000.000 đồng ông đã giao đủ cho ông T, hai bên thỏa thuận thời hạn cầm cố đến 29/3/2025 đến nay đã hết hạn cầm cố, nay ông Lê Quốc T khởi kiện để yêu cầu chia thừa kế tài sản do ông H1 và bà N1 để lại, hiện nay đã hết hạn cầm cố, ông và ông T có thỏa thuận ông sẽ trả đất lại cho ông T và ông T sẽ trả tiền 60.000.000 đồng lại nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Quốc T, bà Lê Thị Ngọc H, ông Lê Quốc T1 thống nhất giá trị cây trồng không lớn chia đất cho ai thì người đó được hưởng cây trồng trên đất.

Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Cụ Lê Kim H1, sinh năm 1942 (chết năm 2019) và cụ Trần Ngọc N1, sinh năm 1942 (chết 2018), có tất cả 04 người con chung là Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H. Ngoài ra cụ Trần Ngọc N1 có một người con riêng là Lê Văn T3 (tên khác Trần Văn T2).

Cụ H1 và cụ N1 có tạo lập được các tài sản là: Thửa đất số190A diện tích 2.820m², loại đất vườn (trên đất có căn nhà cấp 4); thửa đất 190, diện tích 4.720m², loại đất trồng lúa, thửa 230, diện tích 4.440m² và số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng K. Hai cụ chết không để lại di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T chia thừa kế cho T được hưởng 1 suất và công sức tạo đất và giao căn nhà thừa kế cho ông T được quản lý. Đối số tiền gửi tiết kiệm chia theo pháp luật mỗi người hưởng một suất.

Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cụ Lê Kim H1, sinh năm 1942 (chết năm 2019) và cụ Trần Ngọc N1, sinh năm 1942 (chết 2018), có tất cả 04 người con chung là Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H. Ngoài ra cụ Trần Ngọc N1 có một người con riêng là Lê Văn T3 (tên khác Trần Văn T2).

Cụ H1 và cụ N1 có tạo lập được các tài sản là: Thửa đất số190A diện tích 2.820m², loại đất vườn (trên đất có căn nhà cấp 4); thửa đất 190, diện tích 4.720m², loại đất trồng lúa; thửa 230, diện tích 4.440m² và số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng K. Hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản của cụ H1 và cụ N1 được chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự chỉ yêu cầu chia thừa kế 03 thửa đất theo kết quả thẩm định đối với tài sản là trên đất các đương sự không yêu cầu, tài sản chia cho ai thì người đó được hưởng cây cối và tài sản trên đất. Đối với căn nhà của cụ Hoàng cụ N2, các thừa kế không yêu cầu phân chia, ông T, bà H, ông T1 cùng có yêu cầu quản lý nhà. Xét thấy, căn nhà bà H đã sửa chữa và đang quản lý nên chia phần đất có căn nhà cho bà H được hưởng. Ông T từ nhỏ đến lớn ở chung cụ H1 và cụ N2 có công cải tạo đất nên khi chia thừa kế ưu tiên cho ông được hưởng thêm 1 suất. Chia cho các thừa kế còn lại mỗi người được hưởng một suất theo quy định. Riêng ông T2 được hưởng 1 suất thừa kế phần của cụ N2.

Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp thừa kế có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài và thụ lý trước ngày 01/7/2025 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế:

Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Nguyên đơn ông Lê Quốc T yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất là còn thời hiệu nên được xem xét giải quyết.

[3] Về hàng thừa kế:

Cụ Lê Kim H1 chết năm 2019 và cụ Trần Ngọc N1, chết 2018 có 04 người con chung là Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H. Ngoài ra cụ Trần Ngọc N1 có một người con riêng là Trần Văn T2.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 là 4 người Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Ngọc N1 có 06 người Lê Kim H1, Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H và Trần Văn T2.

[4] Về di sản thừa kế:

Các đương sự khai thửa đất số190A diện tích 2.820m², loại đất vườn; thửa đất 190, diện tích 4.720m², loại đất trồng lúa, cùng tờ bản đồ số 8, tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của ông bà ngoại để lại cho cụ Trần Ngọc N1 và ông Lê Kim H1.

Thửa đất số 230, có diện tích 4.440m^2, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh do cụ Trần Ngọc N1 mua của ông Lương Văn L1 (búc lụt số 25).

Thửa đất số 190 và 190A Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lê Kim H1 đứng tên vào ngày 13/4/1996;

Thửa đất 230 Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Trần Ngọc N1 ngày 08/5/2006.

Ba thửa đất trên các con của cụ H1 và cụ N1 không có cùng tạo lập, hai cụ chết không để lại di chúc nên xác định ba thửa đất nêu trên là di sản của cụ H1 và cụ N1.

Ông Lê Quốc T chung sống với cụ H1 và cụ N1, sau khi hai cụ chết ông T tiếp tục quản lý ba thửa đất nêu trên, đến năm 2023 bà Lê Thị Ngọc H về ở trong căn nhà của cụ H1 và cụ N1, ông T ra ở riêng trên căn chòi cất trên thửa đất 190.

Theo kết quả thẩm định do Văn phòng đăng ký đất tỉnh Vĩnh Long cung cấp số 783/VPĐK-KT ĐĐBĐ ngày 11/11/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thửa đất 190A theo tư liệu đo đạc chỉnh lý năm 2015 là thửa đất số 1561 diện tích 3. 416,6 m^2, thửa 190 theo tư liệu đo đạc chỉnh lý năm 2015 là thửa đất số 1562 diện tích 4.817,5 m^2. Phần diện tích 426,8 m^2 thuộc thửa 902 các đương sự không yêu cầu chia.

Thửa đất 230 được chỉnh lý năm 2015 là thửa đất số 372 diện tích thực đo là 4.621,7 m^2. Hiện trạng sử dụng diện tích lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nhưng vẫn nằm trong cột mốc của thửa đất, các đương sự thống nhất căn cứ diện tích được thẩm định thuộc thửa đất số 1561,1562 và 372 để phân chia thừa kế.

Đối với căn nhà của cụ H1 và cụ N1 chết để lại các đương sự thống nhất không chia thừa kế, ai hưởng vị trí đất có nhà thì quản lý sử dụng căn nhà để thờ cúng cha mẹ. Tại phiên tòa ông T xin quản lý; bà H, ông T1 không đồng ý giao cho ông T quản lý căn nhà vì sau khi cha mẹ chết ông T không lo nhang khói cho cha mẹ và đóng cửa không cho anh em vào nhà viếng thăm, thắp nhang cho cha mẹ. Xét thấy, năm 2013 bà H đến sửa chữa nhà và đang quản lý nên giao căn nhà thừa kế cho bà H quản lý sử dụng cùng với khu mộ của cụ N1 và cụ H1. Bà H không được ngăn cản các anh chị em đến thăm viếng chăm sóc mồ mã thờ cúng cha mẹ chung.

Căn nhà của cụ H1 và cụ N1 xây dựng một phần trên thửa 1561, 1562 ký hiệu A2, A3 và khu mộ của cụ H1 và cụ N1 ký hiệu A1 trên sơ đồ khu đất ngày 11/11/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai. Do nhà và khu mộ được xây dựng

không gần đường đi nên tách làm đường đi ngang 2 mét nằm phía Đông trên thửa 1561 từ Q 60 vào phần đất xây dựng nhà ở và khu mộ, để các thừa kế đi vào thăm viếng mộ và chăm sóc nhà thờ của cha mẹ.

Đối với cây trồng trên đất ông T có cải tạo trồng mít nhưng bà H về chiếm ở nên cây trồng không được chăm sóc, bà H khai có trồng dừa lại. Tuy nhiên giá trị cây trồng hiện nay không lớn các đương sự thống nhất phần đất chia cho ai được hưởng thì hưởng cây trồng trên đất không phải thanh toán giá trị cây trồng cho nhau nên ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Đối với thửa đất 230 ông Lê Quốc T đang cầm cố cho ông Lê Văn L2 nay hết thời hạn cầm cố. Ông T và ông L2 không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Chia di sản thừa kế

[5.1] Ông Trần Văn T2 là con riêng của cụ N1 yêu cầu hưởng thừa kế của cụ N1 bằng giá trị.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 13/10/2025 của Tòa án, thửa đất số 190, 190A giá thị trường 1.200.000 đ/m^2.

Thửa đất số 1561,1562 trừ diện tích đất mộ ký hiệu A1 diện tích 25,7m^2, đường đi ngang 2m từ Quốc lộ F vào đến phần đất xây dựng nhà và khu mộ diện tích 424,3 m^2 ký hiệu A7.2 trên sơ đồ ngày 31/12/2025. Diện tích còn lại của thửa 1561, 1562 là 7.784,1m^2.

Thành tiền 7.784,1m^2 x1.200.000 đ/ m^2 = 9.340.920.000 đồng.

Thửa đất 230 giá thị trường 120.000đ/m^2. Thành tiền 4.621,7 m^2 x 120.000đ/m^2 = 554.604.000 đồng.

Tổng di sản quyền sử dụng đất thừa kế của cụ N1 và cụ H1 là 9.895.524.000 đồng. Phân nữa của cụ N1 bằng 4.947.762.000 đồng. Cụ N1 chết trước cụ H1 nên di sản thừa kế của cụ N1 chia làm 6 phần bằng nhau mỗi kỷ phần bằng 824.627.000 đồng. Các thừa kế khác của cụ N1 và cụ H1 nhận hiện vật nên có nghĩa vụ thanh toán giá trị thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 824.627.000 đồng.

[5.2] Giá trị thừa kế của Lê Quốc T, Lê Quốc T1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Ngọc H mỗi người được hưởng như sau:

Ông Lê Quốc T từ nhỏ ở chung với cha mẹ, sau khi cụ H1 và cụ N1 chết ông tiếp tục quản lý di sản và cải tạo đất ruộng thành đất trồng cây lâu năm nên khi chia thừa kế ưu tiên cho ông được hưởng công suất tương đương 1 kỷ phần thừa kế.

Giá trị thừa kế của cụ N1 và cụ Hoàng T5 phần ông T2 được hưởng còn lại bằng 9.070.897.000 đồng chia làm 5 phần mỗi phần bằng 1.814.179.400 đồng.

Ông Lê Quốc T được hưởng 2 phần bằng 3.628.358.800 đồng.

Ông Lê Quốc T1, bà Lê Thị Ngọc H, bà Lê Thị Ngọc B mỗi người được hưởng một suất bằng 1.814.179.400 đồng.

[5.3] Bà Lê Thị Ngọc B là người Việt Nam định cư tại nước ngoài bà B ủy quyền cho bà Lê Thị Ngọc H, bà H thống nhất nên giao phần thừa kế của bà B cho bà H quản lý khi nào bà B yêu cầu, bà H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà B.

[5.4] Chia thừa kế bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Thửa đất 190A diện tích 2.820m^2 mục đích sử dụng là đất ở và đất quả theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T quy định: Hạn mức công nhận đất ở tại nông thôn bằng 300m^2/hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã. Căn nhà của cụ H1 và cụ N3 xây dựng phần lớn nằm trên thửa 190A nên khi chia đất có nhà sẽ được giao luôn diện tích đất ở.

+ Thửa đất 190A, 190 nay là thửa đất số 1561,1562:

Chia cho ông Lê Quốc T được hưởng diện tích 3.103,9m^2 ký hiệu A9, A10, A7.6, A7.5 trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025 (bao gồm một suất thừa kế, một suất công sức giữ gìn) trên đất có căn nhà tạm ông T và vợ con ông T đang ở.

Chia cho ông Lê Quốc T1 được hưởng diện tích 1.553m^2 ký hiệu A11, A7.4 trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025.

Chia cho bà Lê Thị Ngọc H được hưởng diện tích 3.577,2 m^2 ký hiệu A1, A2, A3, A5, A12, A13, A7.1, A7.2 A7.3 trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025 (trong này có kỷ phần thừa kế của bà B, đường đi ngang 2 mét vào nhà và khu mộ của cụ H1 và cụ N1).

+ Thửa đất số 230 nay là thửa 372.

Chia cho bà Lê Thị Ngọc H được hưởng diện tích 1.848,7 m^2 ký hiệu A4, A5 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025 (gồm 1 suất thừa kế của bà B).

Chia cho ông Lê Quốc T 1.848,6 m^2 ký hiệu A1, A2 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025.

Chia cho Lê Quốc T1 diện tích 924,4 m^2 ký hiệu A3 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025.

Buộc ông Lê Quốc T thanh toán giá trị quyền sử dụng đất thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 329.850.800 đồng.

Buộc ông Lê Quốc Thanh thanh T6 giá trị quyền sử dụng đất thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 164.925.400 đồng.

Buộc bà Lê Thị Ngọc B và Lê Thị Ngọc H thanh toán giá trị quyền sử dụng đất thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 329.850.800 đồng.

+ Số tiền tiết kiệm của cụ Lê Kim H1 gửi tại Ngân hàng K - chi nhánh T7 đến ngày 05/2/2026 và ngày 27/02/2026 hết kỳ hạn tiền gửi; tổng cộng vốn và lãi bằng 126.368.536 đồng giao cho ông Lê Quốc T nhận và có trách nhiệm chia cho các thừa kế như sau:

- Chia cho ông Trần Văn T2 12.636.853 đồng.

- Chia cho ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc T1, bà Lê Thị Ngọc B, bà Lê Thị Ngọc H mỗi người được hưởng 28.432.920 đồng. Số tiền của bà B hưởng giao bà H quản lý khi nào bà B yêu cầu bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại.

[6] Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu tương ứng với phần được hưởng.

Về lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp: Ông Lê Quốc T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 26, Điều 35, Điều 37; Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 1 Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ Luật dân sự,

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Ngọc H.

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Kim H1 là 4 người: Ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc T1, bà Lê Thị Ngọc B, bà Lê Thị Ngọc H. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Ngọc N1 có 06 người: Ông Lê Kim H1, ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc T1, bà Lê Thị Ngọc B, bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Văn T2.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kim H1 và cụ Trần Ngọc N1 là thửa đất 190A theo tư liệu đo đạc chỉnh lý năm 2015 là thửa 1561 diện tích 3.416,6m^2, thửa 190 theo tư liệu đo đạc chỉnh lý năm 2015 là thửa 1562 diện tích 4.817,5m^2. Thửa đất 230 được chỉnh lý năm 2015 là thửa 372 diện tích thực đo là 4.621,7 m^2, cùng tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại xã B, tỉnh Vĩnh Long và số tiền 126.368.536 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP K – chi nhánh T7 gồm: Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417949; Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417751 và Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 417762 do cụ Lê Kim H1 đứng tên người gửi.

3. Chia thừa kế như sau:

+ Thửa đất 190A, 190 nay là thửa đất số 1561,1562, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại xã B, tỉnh Vĩnh Long:

Chia cho ông Lê Quốc T được hưởng diện tích 3.103,9 m^2, loại đất cây lâu năm ký hiệu A9, A10, A7.6, A7.5; trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025 (bao một

suất thừa kế, một suất công sức giữ gìn cải tạo đất) trên đất có căn nhà tạm ông T và vợ con ông T đang ở.

Chia cho ông Lê Quốc T1 được hưởng diện tích 1.553 m^2 loại đất cây lâu năm ký hiệu A11, A7.4 trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025.

Chia cho bà Lê Thị Ngọc H được hưởng diện tích 3.577,2m^2 loại đất cây lâu năm trong này có 300 m^2 đất ở ký hiệu A1, A2, A3, A5, A12, A13, A7.1, A7.2 A7.3 trên sơ đồ 1 khu đất ngày 31/12/2025 (trong này có kỷ phần thừa kế của bà B, đường đi ngang 2 mét vào nhà và khu mộ của cụ H1 và cụ N1) trên đất có căn nhà cấp 4 của cụ Lê Kim H1 và bà Trần Ngọc N1, khu mộ của cụ H1 và cụ N1. Bà Lê Thị Ngọc H không được ngăn cản con cháu của cụ H1, cụ N1 đến thăm nom, thờ cúng cụ N1 và cụ H1.

+ Thửa đất số 230 nay là thửa 372 tờ bản đồ số 50 tại xã B, tỉnh Vĩnh Long:

Chia cho bà Lê Thị Ngọc H được hưởng diện tích 1.848,7m^2 loại đất trồng lúa ký hiệu A4, A5 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025 (gồm 1 suất thừa kế của bà B).

Chia cho ông Lê Quốc T 1.848,6 m^2 loại đất trồng lúa ký hiệu A1, A2 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025.

Chia cho Lê Quốc T1 diện tích 924,4 m^2 loại đất trồng lúa ký hiệu A3 trên sơ đồ 2 khu đất ngày 31/12/2025.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai theo diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

(có sơ đồ khu đất ngày 31/12/2025 kèm theo bản án)

Buộc ông Lê Quốc T thanh toán giá trị thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 329.850.800 đồng *(Ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).*

Buộc ông Lê Quốc Thanh thanh T6 giá trị thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 164.925.400 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm trăm đồng).*

Buộc bà Lê Thị Ngọc B và Lê Thị Ngọc H thanh toán giá trị thừa kế cho ông Trần Văn T2 bằng 329.850.800 đồng *(Ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng)*

+ Số tiền tiết kiệm của cụ Lê Kim H1 gửi tại Ngân hàng K - chi nhánh T7 đến ngày 05/2/2026 và ngày 27/02/2026 tổng cộng vốn và lãi bằng 126.368.536 đồng giao cho ông Lê Quốc T nhận và có trách nhiệm chia cho các thừa kế của cụ H1 và cụ N1 như sau:

- Chia cho ông Trần Văn T2 12.636.853 đồng. *(Mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi ba đồng).*

- Chia cho ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc T1, bà Lê Thị Ngọc B, bà Lê Thị Ngọc H mỗi người được hưởng 28.432.920 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm hai mươi đồng*). Số tiền của bà B hưởng giao bà H quản lý khi nào bà B yêu cầu bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì bên phải thi hành án còn còn phải chịu thêm khoản lãi quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn lại chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T2 phải chịu 37.490.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu bốn trăm chín chục nghìn đồng)*

- Ông Lê Quốc T phải chịu 105.135.000 đồng, ông Lê Quốc T đã nộp 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000113 ngày 28/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên cấn trừ, còn lại 76.635.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) ông T phải nộp tiếp.

- Ông Lê Quốc T1 phải chịu 67.278.000 đồng *(Sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).*

- Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 67.278.000 đồng *(Sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*. Bà H đã nộp 420.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006143 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên cấn trừ. Còn lại 66.858.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng)* bà H phải nộp tiếp.

- Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu 67.278.000 đồng *(Sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).*

5. Về chi phí thẩm định bằng 10.644.306 đồng.

- Ông Trần Văn T2 phải chịu 887.025 đồng.

- Ông Lê Quốc T phải chịu 3.548.100 đồng.

- Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 1.774.050 đồng.

- Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu 1.774.050 đồng.

- Ông Lê Quốc T1 phải chịu 1.774.050 đồng.

Ông Lê Quốc T đã nộp tạm ứng bằng 10.644.306 đồng cho Tòa án chi xong. Cơ quan thi hành án thu của ông T2, bà H, bà B, ông T1 trả lại cho ông T.

6. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Lê Quốc T phải chịu 200.000 đồng và 95 USD. Ông T đã nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000126 ngày 09/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên cấn trừ, số tiền 95 USD đã chuyển khoản cho công ty A xong nên không phải nộp tiếp.

Hoàn trả cho ông Lê Quốc T 200.000 đồng tiền tạm ứng ủy thác tư pháp theo biên lai thu số 0000594 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì bên phải thi hành án còn còn phải chịu thêm khoản lãi quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn lại chưa thi hành án.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung